

**CÔNG TY TNHH XD TM DV AN TÍN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XD TM DV AN TÍN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703273101

**3. Ngày thành lập:** 11/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

khu Megacity Cầu Đò, số A60/10, đường N22, tổ 11, khu phố Kiến Điền, Phường An  
Điền, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0889028248

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330(Chính) |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659        |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669        |
| 8.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229        |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                | 7020        |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                     | 7110        |
| 13. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                          | 7120        |
| 14. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320        |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410        |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 24. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 25. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 26. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 27. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 28. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUÝ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/03/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040092035798

Ngày cấp: 18/10/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: xóm 5, Xã Nghi Phương, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: xóm 5, Xã Nghi Phương, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUÝ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/03/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040092035798

Ngày cấp: 18/10/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: xóm 5, Xã Nghi Phương, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: xóm 5, Xã Nghi Phương, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương